|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NAM** **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024****Môn: SINH HỌC – Lớp 12**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ 401** |

 |

Họ và tên: ..........................................Lớp 12/....Số báo danh:...............

**Câu 1**. Cánh dơi tương đồng với cơ quan nào sau đây ?

**A.**Vây của cá mập . **B.** Chi trước của ngựa. **C.** Cánh bướm . **D.** Gai xương rồng

**Câu 2.**Theo Đacuyn, đơn vị tác động của chọn lọc tự nhiên là

**A.**  quần xã. **B.**  cá thể. **C.**  hệ sinh thái. **D.**  quần thể.

**Câu 3.**Theo học thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa của sinh giới?

**A.** Đột biến. **B.** Giao phối ngẫu nhiên. **C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Các yếu tố ngẫu nhiên.

**Câu 4.** Nhân tố tiến hóa nào sau đây có thể làm phong phú vốn gen của quần thể?

**A.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **B.** Chọn lọc tự nhiên.

**C.** Di – nhập gen. **D.** Giao phối ngẫu nhiên.

**Câu 5.** Hình thành loài bằng cách li địa lí thường gặp ở loài nào sau đây?

**A.** Động vật ít di chuyển **B.** Động vật di chuyển nhiều **C.** Thực vật **D.** Vi sinh vật

**Câu 6.** Trong lịch sử phát triển sinh giới, các nhóm linh trưởng phát sinh vào kỉ nào sau đây ?

**A.** Đệ tứ **B.** Kỉ jura **C.** Đệ tam **D.** Phấn trắng

**Câu 7.** Nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố vô sinh?

**A.**  Sâu ăn lá lúa. **B.**  Ánh sáng. **C.**  Chim sâu. **D.**  Cây lúa.

**Câu 8.** Một "không gian sinh thái" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển gọi là

**A.** ổ sinh thái **B.** sinh cảnh **C.** nơi ở **D.** giới hạn sinh thái

**Câu 9.** Tập hợp nào sau đây là quần thể sinh vật?

**A.**  Tập hợp cây cọ trên một quả đồi ở Phú Thọ. **B.**  Tập hợp cá ở Hồ Tây.

**C.**  Tập hợp sâu ở rừng Cúc Phương. **D.**  Tập hợp chim ở Thảo Cầm Viên.

**Câu 10.**  Bồ nông xếp thành hàng bắt được nhiều cá hơn bồ nông đi kiếm ăn riêng rẽ. Đây là ví dụ về mối quan hệ
 **A.**  hỗ trợ cùng loài **B.**  cộng sinh. **C.**  cạnh tranh cùng loài. **D.**  ức chế - cảm nhiễm.

**Câu 11.** Tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể được gọi là

**A.**  tỉ lệ giới tính. **B.**  kích thước quần thể. **C.**  nhóm tuổi. **D.**  mật độ cá thể.

**Câu 12**. Có mấy kiểu phân bố các cá thể trong quần thể ?

**A.4 B.** **3 C.** 2 **D.** 1

**Câu 13.** Có bao nhiêu bằng chứng tiến hoá sau đây là bằng chứng sinh học phân tử ?

(1) Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một bộ mã di truyền.

(2) Sự tương đồng về những đặc điểm giải phẫu giữa các loài.

(3) ADN của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ 4 loại nuclêôtit.

(4) Tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ tế bào.

**A**. 4 **B**. 1 **C.** 3  **D.** 2

**Câu 14.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại nói về chọn lọc tự nhiên, câu nào sau đây **đúng**?

**A**. Chọn lọc tự nhiên tấc động trực tiếp lên kiểu hình của quần thể.

**B**. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen của quần thể.

**C.** Chọn lọc tự nhiên là nguồn nguyên liệu cơ bản của tiến hóa.

**D.** Chọn lọc tự nhiên làm phong phú vốn gen của quần thể.

**Câu 15.** Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hoá, phát biểu sau đây đúng?

**A.** Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể không theo hướng xác định.

**B.** Chọn lọc tự nhiên làm phát sinh biến dị di truyền, cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho tiến hoá.

**C.** Đột biến không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

**D.** Chọn lọc tự nhiên dễ dàng loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.

**Câu 16.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen theo một hướng xác định?

**A.** Di – nhập gen. **B.** Chọn lọc tự nhiên. **C.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Đột biến gen.

**Câu 17.** Cho các nhân tố sau:

(1) Đột biến (2) Chọn lọc tự nhiên (3) Các yếu tố ngẫu nhiên (4) Giao phối ngẫu nhiên

Cặp nhân tố đóng vai trò cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hóa là:

**A.** (1), (4) **B.** (2), (4) **C.** (1), (2) **D.** (3), (4)

**Câu 18.**  Có bao nhiêu ví dụ sau đây thuộc cơ chế cách li sau hợp tử?

(1) Ngựa cái giao phối với lừa đực sinh ra con la không có khả năng sinh sản.

(2) Hạt phấn của loài cây này không thụ phấn cho hoa của loài cây khác.

(3) Chuột nhà và chuột đồng không giao phối với nhau được.

(4) Các loài ruồi giấm khác nhau có tập tính giao phối khác nhau.

**A.**  3. **B.**  4. **C.**  2. **D.**  1.

**Câu 19.** Hình thành loài bằng con đường cách ly địa lý mang đặc điểm nào sau đây?

**A.** Không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên và các cơ chế cách ly.

**B.** Xảy ra chủ yếu ở động vật và thực vật bậc cao.

**C.** Thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.

**D.** Xảy ra với tốc độ nhanh trong thời gian ngắn.

**Câu 20:** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu ***đúng*** về mối quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể?

(1)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể thích nghi tốt hơn với điều kiện của môi trường.

(2)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể khai thác được nhiều nguồn sống.

(3)Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể thể hiện qua hiệu quả nhóm.

(4)Quan hệ hỗ trợ xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao.

**A.**1 **B**. 2  **C.** 3 **D.** 4

**Câu 21.**  Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì các cá thể trong quần thể này thường có kiểu phân bố

**A.**  theo chiều ngang. **B. theo nhóm.**  **C.**  đồng đều.     **D.**  ngẫu nhiên.

**Câu 22.** Vai trò của điều kiện địa lí trong quá trình hình thành loài mới là

**A.** nhân tố tạo ra những kiểu hình thích nghi với những điều kiện địa lí khác nhau.

**B.** nhân tố tạo điều kiện cho sự cách li sinh sản và cách li di truyền.

**C.** nhân tố tác động trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

**D.** nhân tố chọn lọc những kiểu gen thích nghi theo những hướng khác nhau.

**Câu 23.** Theo lí thuyết, thể song nhị bội được tạo ra bằng con đường lai xa và đa bội hóa giữa loài cỏ dại A (aaBB) và loài cỏ dại B (ddEE) có kiểu gen nào sau đây?

**A.** AABBddEE. **B.** aaBBddEE. **C.** aaEE. **D.** aBdE.

**Câu 24.**  Mức độ giống nhau về ADN giữa người và các loài thuộc bộ Khỉ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loài | Vượn Gibbon | Tinh tinh | Khỉ Rhesut | Khỉ Vervet |
| %ADN | 94,7% | 97,6% | 91,1% | 90,5% |

Căn cứ vào tỉ lệ này, loài có quan hệ họ hàng gần nhất với loài người là

**A.** Tinh tinh. **B.** Khỉ Vervet. **C.** Vượn Gibbon. **D.** Khỉ Rhesut.

**Câu 25.**  Con người đã ứng dụng những hiểu biết về ổ sinh thái vào bao nhiêu hoạt động sau đây?

(1) Trồng xen các loại cây ưa bóng và cây ưa sáng trong cùng một khu vườn.

(2) Trồng các loại cây đúng thời vụ.

(3) Nuôi ghép các loài cá ở các tầng nước khác nhau trong một ao nuôi.

(4) Khai thác vật nuôi ở độ tuổi càng cao để thu được năng suất càng cao.

**A.**  1. **B.**  3. **C.**  4. **D.**  2.

**Câu 26.** Trong thực tế, khi đánh bắt cá toàn cá con thì cần phải

**A.** tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.  **B.** dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.

**C**. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.  **D.** tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

**Câu 27.** Nếu mật độ của một quần thể sinh vật tăng quá mức tối đa thì

**A.** sự xuất cư của các cá thể trong quần thể giảm tới mức tối thiểu.

**B.** sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**C.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**D.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể giảm xuống.

**Câu 28.**  Cho các phát biểu sau đây về giới hạn sinh thái:

(1) Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của mỗi nhân tố sinh thái mà trong đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian.

(2) Ở khoảng thuận lợi, sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

(3) Các cá thể trong cùng một loài đều có giới hạn sinh thái về mỗi nhân tố sinh thái giống nhau.

(4) Giới hạn sinh thái của một nhân tố sinh thái chính là ổ sinh thái của loài về nhân tố sinh thái đó.

Số phát biểu ***đúng*** là:

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 1 **D.** 4

**Câu 29.**  Năm 1928, Kapetrenco đã tiến hành lai cây cải bắp (loài Brassica 2n = 18) với cây cải củ (loài Raphanus 2n = 18) tạo ra cây lai khác loài, hầu hết các cây lai này đều bất thụ, một số cây lai ngẫu nhiên bị đột biến số lượng NST làm tăng gấp đôi bộ NST tạo thành các thể song nhị bội. Trong các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm là **sai** với thể song nhị bội này?

(1)Mang vật chất di truyền của hai loài ban đầu

(2)Trong tế bào sinh dưỡng, các NST tồn tại thành từng nhóm, mỗi nhóm gồm 4 NST tương đồng

(3)Có khả năng sinh sản hữu tính

(4)Có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 30**. Ở một loài sâu, người ta thấy gen H là gen kháng thuốc trội hoàn toàn so với h mẫn cảm với thuốc. Một quần thể sâu có thành phần kiểu gen 0,3HH : 0,4Hh : 0,3hh. Sau một thời gian dùng thuốc, thành phần kiểu gen của quần thể là 0,5HH : 0,4Hh : 0,1hh. Có bao nhiêu kết luận nào dưới đây là đúng?

(1). Thành phần kiểu gen của quần thể sâu bị tác động của chọn lọc.

(2). Sự biến đổi đó là do quá trình đột biến xảy ra.

(3). Sau thời gian xử lý thuốc, tần số alen kháng thuốc H tăng lên 15%.

(4). Tần số alen mẫn cảm với thuốc giảm so với ban đầu là 20%.

**A.** 4. **B.** 3 **C.** 2 **D.** 1

 …………………………………Hết……………………………………

*Chú ý: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NAM** **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024****Môn: SINH HỌC – Lớp 12**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ 403** |

 |

Họ và tên: ..........................................Lớp 12/....Số báo danh:...............

**Câu 1.** Một "không gian sinh thái" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển gọi là

**A.** sinh cảnh **B.** nơi ở **C.** ổ sinh thái **D.** giới hạn sinh thái

**Câu 2.** Tập hợp nào sau đây là quần thể sinh vật?

**A.**  Tập hợp sâu ở rừng Cúc Phương. **B.**  Tập hợp chim ở Thảo Cầm Viên.

**C.**  Tập hợp cây cọ trên một quả đồi ở Phú Thọ. **D.**  Tập hợp cá ở Hồ Tây.

**Câu 3.**Theo học thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa của sinh giới?

**A.** Giao phối ngẫu nhiên. **B.** Đột biến. **C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Các yếu tố ngẫu nhiên.

**Câu 4.** Tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể được gọi là

**A.**  tỉ lệ giới tính. **B.**  kích thước quần thể. **C.**  nhóm tuổi. **D.**  mật độ cá thể.

**Câu 5**. Có mấy kiểu phân bố các cá thể trong quần thể ?

**A.4 B.** **1 C.** 2 **D.** 3

**Câu 6.** Nhân tố tiến hóa nào sau đây có thể làm phong phú vốn gen của quần thể?

**A.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **B.** Chọn lọc tự nhiên.

**D.** Giao phối ngẫu nhiên. **C.** Di – nhập gen.

**Câu 7.**  Bồ nông xếp thành hàng bắt được nhiều cá hơn bồ nông đi kiếm ăn riêng rẽ. Đây là ví dụ về mối quan hệ
**A.**  hỗ trợ cùng loài **B.**  cộng sinh. **C.**  cạnh tranh cùng loài. **D.**  ức chế - cảm nhiễm.

**Câu 8**. Cánh dơi tương đồng với cơ quan nào sau đây ?

**A.**Vây của cá mập . **B.** Cánh bướm . **C.** Gai xương rồng **D.** Chi trước của ngựa.

**Câu 9.**Theo Đacuyn, đơn vị tác động của chọn lọc tự nhiên là

**A.**  quần xã. **B.**  cá thể. **C.**  hệ sinh thái. **D.**  quần thể.

**Câu 10.** Hình thành loài bằng cách li địa lí thường gặp ở loài nào sau đây?

**A.** Động vật ít di chuyển **B.** Thực vật **C.** Động vật di chuyển nhiều **D.** Vi sinh vật

**Câu 11.** Trong lịch sử phát triển sinh giới, các nhóm linh trưởng phát sinh vào kỉ nào sau đây ?

**A.** Đệ tam **B.** Đệ tứ **C.** Kỉ jura **D.** Phấn trắng

**Câu 12.** Nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố vô sinh?

**A.**  Sâu ăn lá lúa. **B.**  Ánh sáng. **C.**  Chim sâu. **D.**  Cây lúa.

**Câu 13.**  Có bao nhiêu ví dụ sau đây thuộc cơ chế cách li sau hợp tử?

(1) Ngựa cái giao phối với lừa đực sinh ra con la không có khả năng sinh sản.

(2) Hạt phấn của loài cây này không thụ phấn cho hoa của loài cây khác.

(3) Chuột nhà và chuột đồng không giao phối với nhau được.

(4) Các loài ruồi giấm khác nhau có tập tính giao phối khác nhau.

**A.**  1. **B.**  4. **C.**  2. **D.**  3.

**Câu 14** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu ***đúng*** về mối quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể?

(1)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể thích nghi tốt hơn với điều kiện của môi trường.

(2)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể khai thác được nhiều nguồn sống.

(3)Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể thể hiện qua hiệu quả nhóm.

(4)Quan hệ hỗ trợ xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao.

**A.**1 **B**. 3  **C.** 2 **D.** 4

**Câu 15.**  Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì các cá thể trong quần thể này thường có kiểu phân bố

**A.**  theo chiều ngang. **B. theo nhóm.**  **C.**  đồng đều.     **D.**  ngẫu nhiên.

**Câu 16.** Có bao nhiêu bằng chứng tiến hoá sau đây là bằng chứng sinh học phân tử ?

(1) Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một bộ mã di truyền.

(2) Sự tương đồng về những đặc điểm giải phẫu giữa các loài.

(3) ADN của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ 4 loại nuclêôtit.

(4) Tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ tế bào.

**A**. 4  **B**. 1 **C.** 2  **D.** 3

**Câu 17.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại nói về chọn lọc tự nhiên, câu nào sau đây **đúng**?

**A**. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen của quần thể.

**B.** Chọn lọc tự nhiên là nguồn nguyên liệu cơ bản của tiến hóa.

**C.** Chọn lọc tự nhiên làm phong phú vốn gen của quần thể.

**D**. Chọn lọc tự nhiên tấc động trực tiếp lên kiểu hình của quần thể.

**Câu 18.** Cho các nhân tố sau:

(1) Đột biến (2) Chọn lọc tự nhiên (3) Các yếu tố ngẫu nhiên (4) Giao phối ngẫu nhiên

Cặp nhân tố đóng vai trò cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hóa là:

**A.** (2), (4) **B.** (1), (2) **C.** (1), (4) **D.** (3), (4)

**Câu 19.** Hình thành loài bằng con đường cách ly địa lý mang đặc điểm nào sau đây?

**A.** Không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên và các cơ chế cách ly.

**B.** Xảy ra chủ yếu ở động vật và thực vật bậc cao.

**C.** Thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.

**D.** Xảy ra với tốc độ nhanh trong thời gian ngắn.

**Câu 20.** Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hoá, phát biểu sau đây đúng?

**A.** Chọn lọc tự nhiên làm phát sinh biến dị di truyền, cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho tiến hoá.

**B.** Đột biến không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

**C.** Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể không theo hướng xác định.

**D.** Chọn lọc tự nhiên dễ dàng loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.

**Câu 21.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen theo một hướng xác định?

**A.** Di – nhập gen. **B.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **C.** Đột biến gen. **D.** Chọn lọc tự nhiên.

**Câu 22.** Vai trò của điều kiện địa lí trong quá trình hình thành loài mới là

**A.** nhân tố tạo ra những kiểu hình thích nghi với những điều kiện địa lí khác nhau.

**B.** nhân tố tạo điều kiện cho sự cách li sinh sản và cách li di truyền.

**C.** nhân tố tác động trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

**D.** nhân tố chọn lọc những kiểu gen thích nghi theo những hướng khác nhau.

**Câu 23.**  Con người đã ứng dụng những hiểu biết về ổ sinh thái vào bao nhiêu hoạt động sau đây?

(1) Trồng xen các loại cây ưa bóng và cây ưa sáng trong cùng một khu vườn.

(2) Trồng các loại cây đúng thời vụ.

(3) Nuôi ghép các loài cá ở các tầng nước khác nhau trong một ao nuôi.

(4) Khai thác vật nuôi ở độ tuổi càng cao để thu được năng suất càng cao.

**A.**  1. **B.**  3. **C.**  4. **D.**  2.

**Câu 24.** Nếu mật độ của một quần thể sinh vật tăng quá mức tối đa thì

**A.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**B.** sự xuất cư của các cá thể trong quần thể giảm tới mức tối thiểu.

**C.** sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**D.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể giảm xuống.

**Câu 25.** Trong thực tế, khi đánh bắt cá toàn cá con thì cần phải

**A.** tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.  **B.** dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.

**C**. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.  **D.** tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

**Câu 26.** Theo lí thuyết, thể song nhị bội được tạo ra bằng con đường lai xa và đa bội hóa giữa loài cỏ dại A (aaBB) và loài cỏ dại B (ddEE) có kiểu gen nào sau đây?

**A.** AABBddEE. **B.** aaEE. **C.** aBdE. **D.** aaBBddEE.

**Câu 27.**  Mức độ giống nhau về ADN giữa người và các loài thuộc bộ Khỉ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loài | Vượn Gibbon | Tinh tinh | Khỉ Rhesut | Khỉ Vervet |
| %ADN | 94,7% | 97,6% | 91,1% | 90,5% |

Căn cứ vào tỉ lệ này, loài có quan hệ họ hàng gần nhất với loài người là

**A.** Khỉ Vervet. **B.** Tinh tinh. **C.** Vượn Gibbon. **D.** Khỉ Rhesut.

**Câu 28.**  Năm 1928, Kapetrenco đã tiến hành lai cây cải bắp (loài Brassica 2n = 18) với cây cải củ (loài Raphanus 2n = 18) tạo ra cây lai khác loài, hầu hết các cây lai này đều bất thụ, một số cây lai ngẫu nhiên bị đột biến số lượng NST làm tăng gấp đôi bộ NST tạo thành các thể song nhị bội. Trong các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm là **sai** với thể song nhị bội này?

(1)Mang vật chất di truyền của hai loài ban đầu

(2)Trong tế bào sinh dưỡng, các NST tồn tại thành từng nhóm, mỗi nhóm gồm 4 NST tương đồng

(3)Có khả năng sinh sản hữu tính

(4)Có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen

**A.** 3 **B.** 2 **C.** 1 **D.** 4

**Câu 29**. Ở một loài sâu, người ta thấy gen H là gen kháng thuốc trội hoàn toàn so với h mẫn cảm với thuốc. Một quần thể sâu có thành phần kiểu gen 0,3HH : 0,4Hh : 0,3hh. Sau một thời gian dùng thuốc, thành phần kiểu gen của quần thể là 0,5HH : 0,4Hh : 0,1hh. Có bao nhiêu kết luận nào dưới đây là đúng?

(1). Thành phần kiểu gen của quần thể sâu bị tác động của chọn lọc.

(2). Sự biến đổi đó là do quá trình đột biến xảy ra.

(3). Sau thời gian xử lý thuốc, tần số alen kháng thuốc H tăng lên 15%.

(4). Tần số alen mẫn cảm với thuốc giảm so với ban đầu là 20%.

**A.** 4. **B.** 2 **C. 3** **D.** 1

**Câu 30.**  Cho các phát biểu sau đây về giới hạn sinh thái:

(1) Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của mỗi nhân tố sinh thái mà trong đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian.

(2) Ở khoảng thuận lợi, sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

(3) Các cá thể trong cùng một loài đều có giới hạn sinh thái về mỗi nhân tố sinh thái giống nhau.

(4) Giới hạn sinh thái của một nhân tố sinh thái chính là ổ sinh thái của loài về nhân tố sinh thái đó.

Số phát biểu ***đúng*** là:

**A.** 2 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 3

 …………………………………Hết……………………………………

*Chú ý: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NAM** **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024****Môn: SINH HỌC – Lớp 12**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ 405** |

 |

Họ và tên: ..........................................Lớp 12/....Số báo danh:...............

**Câu 1.** Hình thành loài bằng cách li địa lí thường gặp ở loài nào sau đây?

**A.** Động vật ít di chuyển **B.** Thực vật **C.** Động vật di chuyển nhiều **D.** Vi sinh vật

**Câu 2.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen theo một hướng xác định?

**A.** Chọn lọc tự nhiên. **B.** Di – nhập gen. **C.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Đột biến gen.

**Câu 3.** Cho các nhân tố sau:

(1) Đột biến (2) Chọn lọc tự nhiên (3) Các yếu tố ngẫu nhiên (4) Giao phối ngẫu nhiên

Cặp nhân tố đóng vai trò cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hóa là:

**A.** (1), (2) **B.** (2), (4) **C.** (1), (4) **D.** (3), (4)

**Câu 4.** Hình thành loài bằng con đường cách ly địa lý mang đặc điểm nào sau đây?

**A.** Không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên và các cơ chế cách ly.

**B.** Xảy ra chủ yếu ở động vật và thực vật bậc cao.

**C.** Thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.

**D.** Xảy ra với tốc độ nhanh trong thời gian ngắn.

**Câu 5.** Trong lịch sử phát triển sinh giới, các nhóm linh trưởng phát sinh vào kỉ nào sau đây ?

**A.** Đệ tứ **B.** Kỉ jura **C.** Đệ tam **D.** Phấn trắng

**Câu 6.** Trong thực tế, khi đánh bắt cá toàn cá con thì cần phải

**A**. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.  **B.** tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

**C.** tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.  **D.** dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.

**Câu 7.** Theo lí thuyết, thể song nhị bội được tạo ra bằng con đường lai xa và đa bội hóa giữa loài cỏ dại A (aaBB) và loài cỏ dại B (ddEE) có kiểu gen nào sau đây?

**A.** aaBBddEE. **B.** AABBddEE. **C.** aaEE. **D.** aBdE.

**Câu 8.** Nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố vô sinh?

**A.**  Sâu ăn lá lúa. **B.**  Chim sâu. **C.**  Cây lúa. **D.**  Ánh sáng.

**Câu 9.** Một "không gian sinh thái" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển gọi là

**A.** sinh cảnh **B.** ổ sinh thái **C.** nơi ở **D.** giới hạn sinh thái

**Câu 10.** Nếu mật độ của một quần thể sinh vật tăng quá mức tối đa thì

**A.** sự xuất cư của các cá thể trong quần thể giảm tới mức tối thiểu.

**B.** sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**C.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**D.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể giảm xuống.

**Câu 11.** Vai trò của điều kiện địa lí trong quá trình hình thành loài mới là

**A.** nhân tố tạo ra những kiểu hình thích nghi với những điều kiện địa lí khác nhau.

**B.** nhân tố chọn lọc những kiểu gen thích nghi theo những hướng khác nhau.

**C.** nhân tố tạo điều kiện cho sự cách li sinh sản và cách li di truyền.

**D.** nhân tố tác động trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

**Câu 12.** Tập hợp nào sau đây là quần thể sinh vật?

**A.**  Tập hợp cá ở Hồ Tây. **B.**  Tập hợp cây cọ trên một quả đồi ở Phú Thọ.

**C.**  Tập hợp sâu ở rừng Cúc Phương. **D.**  Tập hợp chim ở Thảo Cầm Viên.

**Câu 13.** Tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể được gọi là

**A.**  kích thước quần thể. **B.**  tỉ lệ giới tính. **C.**  nhóm tuổi. **D.**  mật độ cá thể.

**Câu 14**. Có mấy kiểu phân bố các cá thể trong quần thể ?

**A.3 B.** **4 C.** 2 **D.** 1

**Câu 15.**  Bồ nông xếp thành hàng bắt được nhiều cá hơn bồ nông đi kiếm ăn riêng rẽ. Đây là ví dụ về mối quan hệ
**A.** hỗ trợ cùng loài **B.** cộng sinh. **C.** cạnh tranh cùng loài. **D.** ức chế - cảm nhiễm.

**Câu 16.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại nói về chọn lọc tự nhiên, câu nào sau đây **đúng**?

**A**. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen của quần thể.

**B.** Chọn lọc tự nhiên là nguồn nguyên liệu cơ bản của tiến hóa.

**C**. Chọn lọc tự nhiên tấc động trực tiếp lên kiểu hình của quần thể.

**D.** Chọn lọc tự nhiên làm phong phú vốn gen của quần thể.

**Câu 17**. Ở một loài sâu, người ta thấy gen H là gen kháng thuốc trội hoàn toàn so với h mẫn cảm với thuốc. Một quần thể sâu có thành phần kiểu gen 0,3HH : 0,4Hh : 0,3hh. Sau một thời gian dùng thuốc, thành phần kiểu gen của quần thể là 0,5HH : 0,4Hh : 0,1hh. Có bao nhiêu kết luận nào dưới đây là đúng?

(1). Thành phần kiểu gen của quần thể sâu bị tác động của chọn lọc.

(2). Sự biến đổi đó là do quá trình đột biến xảy ra.

(3). Sau thời gian xử lý thuốc, tần số alen kháng thuốc H tăng lên 15%.

(4). Tần số alen mẫn cảm với thuốc giảm so với ban đầu là 20%.

**A.** 4. **B.** 3 **C.**1 **D.** 2

**Câu 18.**  Con người đã ứng dụng những hiểu biết về ổ sinh thái vào bao nhiêu hoạt động sau đây?

(1) Trồng xen các loại cây ưa bóng và cây ưa sáng trong cùng một khu vườn.

(2) Trồng các loại cây đúng thời vụ.

(3) Nuôi ghép các loài cá ở các tầng nước khác nhau trong một ao nuôi.

(4) Khai thác vật nuôi ở độ tuổi càng cao để thu được năng suất càng cao.

**A.**  3. **B.**  1. **C.**  4. **D.**  2.

**Câu 19.** Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hoá, phát biểu sau đây đúng?

**A.** Chọn lọc tự nhiên làm phát sinh biến dị di truyền, cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho tiến hoá.

**B.** Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể không theo hướng xác định.

**C.** Đột biến không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

**D.** Chọn lọc tự nhiên dễ dàng loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.

**Câu 20.**  Có bao nhiêu ví dụ sau đây thuộc cơ chế cách li sau hợp tử?

(1) Ngựa cái giao phối với lừa đực sinh ra con la không có khả năng sinh sản.

(2) Hạt phấn của loài cây này không thụ phấn cho hoa của loài cây khác.

(3) Chuột nhà và chuột đồng không giao phối với nhau được.

(4) Các loài ruồi giấm khác nhau có tập tính giao phối khác nhau.

**A.**  3. **B.**  1. **C.**  2. **D.**  4.

**Câu 21.** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu ***đúng*** về mối quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể?

(1)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể thích nghi tốt hơn với điều kiện của môi trường.

(2)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể khai thác được nhiều nguồn sống.

(3)Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể thể hiện qua hiệu quả nhóm.

(4)Quan hệ hỗ trợ xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao.

**A.**1 **B**. 3  **C.** 2 **D.** 4

**Câu 22.**  Năm 1928, Kapetrenco đã tiến hành lai cây cải bắp (loài Brassica 2n = 18) với cây cải củ (loài Raphanus 2n = 18) tạo ra cây lai khác loài, hầu hết các cây lai này đều bất thụ, một số cây lai ngẫu nhiên bị đột biến số lượng NST làm tăng gấp đôi bộ NST tạo thành các thể song nhị bội. Trong các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm là **sai** với thể song nhị bội này?

(1)Mang vật chất di truyền của hai loài ban đầu

(2)Trong tế bào sinh dưỡng, các NST tồn tại thành từng nhóm, mỗi nhóm gồm 4 NST tương đồng

(3)Có khả năng sinh sản hữu tính

(4)Có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen

**A.** 3  **B.** 2 **C.** 1 **D.** 4

**Câu 23.** Có bao nhiêu bằng chứng tiến hoá sau đây là bằng chứng sinh học phân tử ?

(1) Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một bộ mã di truyền.

(2) Sự tương đồng về những đặc điểm giải phẫu giữa các loài.

(3) ADN của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ 4 loại nuclêôtit.

(4) Tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ tế bào.

**A**. 4  **B**. 1 **C.** 3  **D.** 2

**Câu 24.**  Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì các cá thể trong quần thể này thường có kiểu phân bố

**A.**  theo chiều ngang. **B. theo nhóm.**  **C.**  đồng đều.     **D.**  ngẫu nhiên.

**Câu 25.**  Mức độ giống nhau về ADN giữa người và các loài thuộc bộ Khỉ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loài | Vượn Gibbon | Tinh tinh | Khỉ Rhesut | Khỉ Vervet |
| %ADN | 94,7% | 97,6% | 91,1% | 90,5% |

Căn cứ vào tỉ lệ này, loài có quan hệ họ hàng gần nhất với loài người là

**A.** Khỉ Vervet. **B.** Vượn Gibbon. **C.** Khỉ Rhesut. **D.** Tinh tinh.

**Câu 26.**  Cho các phát biểu sau đây về giới hạn sinh thái:

(1) Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của mỗi nhân tố sinh thái mà trong đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian.

(2) Ở khoảng thuận lợi, sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

(3) Các cá thể trong cùng một loài đều có giới hạn sinh thái về mỗi nhân tố sinh thái giống nhau.

(4) Giới hạn sinh thái của một nhân tố sinh thái chính là ổ sinh thái của loài về nhân tố sinh thái đó.

Số phát biểu ***đúng*** là:

**A.** 2 **B.** 1 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 27**. Cánh dơi tương đồng với cơ quan nào sau đây ?

**A.**Vây của cá mập . **B.** Chi trước của ngựa. **C.** Cánh bướm . **D.** Gai xương rồng

**Câu 28.**Theo Đacuyn, đơn vị tác động của chọn lọc tự nhiên là

**A.**  quần xã. **B.**  hệ sinh thái. **C.**  quần thể.  **D.**  cá thể.

**Câu 29.**Theo học thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa của sinh giới?

**A.** Đột biến. **B.** Giao phối ngẫu nhiên. **C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Các yếu tố ngẫu nhiên.

**Câu 30.** Nhân tố tiến hóa nào sau đây có thể làm phong phú vốn gen của quần thể?

**A.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **B.** Di – nhập gen.

**C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Giao phối ngẫu nhiên.

 …………………………………Hết……………………………………

*Chú ý: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  **SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO QUẢNG NAM** **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**ĐỀ CHÍNH THỨC  (*Đề gồm có 03 trang*) | **KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024****Môn: SINH HỌC – Lớp 12**Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

|  |
| --- |
| **MÃ ĐỀ 407** |

 |

Họ và tên: ..........................................Lớp 12/....Số báo danh:...............

**Câu 1.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại nói về chọn lọc tự nhiên, câu nào sau đây **đúng**?

**A**. Chọn lọc tự nhiên tác động trực tiếp lên kiểu gen của quần thể.

**B.** Chọn lọc tự nhiên là nguồn nguyên liệu cơ bản của tiến hóa.

**C**. Chọn lọc tự nhiên tấc động trực tiếp lên kiểu hình của quần thể.

**D.** Chọn lọc tự nhiên làm phong phú vốn gen của quần thể.

**Câu 2.** Khi nói về vai trò của các nhân tố tiến hoá, phát biểu sau đây đúng?

**A.** Chọn lọc tự nhiên làm phát sinh biến dị di truyền, cung cấp nguồn biến dị sơ cấp cho tiến hoá.

**B.** Đột biến không làm thay đổi tần số alen nhưng làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể.

**C.** Chọn lọc tự nhiên dễ dàng loại bỏ hoàn toàn một alen nào đó khỏi quần thể cho dù alen đó là có lợi.

**D.** Các yếu tố ngẫu nhiên làm thay đổi tần số alen và tần số kiểu gen của quần thể không theo hướng xác định.

**Câu 3.**Theo học thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa của sinh giới?

**A.** Giao phối ngẫu nhiên. **B.** Đột biến. **C.** Chọn lọc tự nhiên. **D.** Các yếu tố ngẫu nhiên.

**Câu 4.** Theo lí thuyết, thể song nhị bội được tạo ra bằng con đường lai xa và đa bội hóa giữa loài cỏ dại A (aaBB) và loài cỏ dại B (ddEE) có kiểu gen nào sau đây?

**A.** AABBddEE. **B.** aaEE. **C.** aaBBddEE. **D.** aBdE.

**Câu 5.**  Mức độ giống nhau về ADN giữa người và các loài thuộc bộ Khỉ như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Loài | Vượn Gibbon | Tinh tinh | Khỉ Rhesut | Khỉ Vervet |
| %ADN | 94,7% | 97,6% | 91,1% | 90,5% |

Căn cứ vào tỉ lệ này, loài có quan hệ họ hàng gần nhất với loài người là

**A.** Khỉ Vervet. **B.** Vượn Gibbon. **C.** Tinh tinh. **D.** Khỉ Rhesut.

**Câu 6.** Nhân tố tiến hóa nào sau đây có thể làm phong phú vốn gen của quần thể?

**A.** Di – nhập gen. **B.** Giao phối ngẫu nhiên.

**C.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Chọn lọc tự nhiên.

**Câu 7.** Tập hợp nào sau đây là quần thể sinh vật?

**A.** Tập hợp cá ở Hồ Tây. **B.** Tập hợp sâu ở rừng Cúc Phương.

**C.** Tập hợp chim ở Thảo Cầm Viên. **D.** Tập hợp cây cọ trên một quả đồi ở Phú Thọ.

**Câu 8**. Ở một loài sâu, người ta thấy gen H là gen kháng thuốc trội hoàn toàn so với h mẫn cảm với thuốc. Một quần thể sâu có thành phần kiểu gen 0,3HH : 0,4Hh : 0,3hh. Sau một thời gian dùng thuốc, thành phần kiểu gen của quần thể là 0,5HH : 0,4Hh : 0,1hh. Có bao nhiêu kết luận nào dưới đây là đúng?

(1). Thành phần kiểu gen của quần thể sâu bị tác động của chọn lọc.

(2). Sự biến đổi đó là do quá trình đột biến xảy ra.

(3). Sau thời gian xử lý thuốc, tần số alen kháng thuốc H tăng lên 15%.

(4). Tần số alen mẫn cảm với thuốc giảm so với ban đầu là 20%.

**A.** 2. **B.** 3 **C.** 4 **D.** 1

**Câu 9.** Tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực và số lượng cá thể cái trong quần thể được gọi là

**A.**  kích thước quần thể. **B.**  nhóm tuổi. **C.**  tỉ lệ giới tính. **D.**  mật độ cá thể.

**Câu 10**. Cánh dơi tương đồng với cơ quan nào sau đây ?

**A.**Vây của cá mập **B.** Cánh bướm . **C.** Gai xương rồng. **D.** Chi trước của ngựa.

**Câu 11.**Theo Đacuyn, đơn vị tác động của chọn lọc tự nhiên là

**A.**  cá thể. **B.**  quần xã. **C.**  hệ sinh thái. **D.**  quần thể.

**Câu 12.** Có bao nhiêu bằng chứng tiến hoá sau đây là bằng chứng sinh học phân tử ?

(1) Tế bào của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều sử dụng chung một bộ mã di truyền.

(2) Sự tương đồng về những đặc điểm giải phẫu giữa các loài.

(3) ADN của tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ 4 loại nuclêôtit.

(4) Tất cả các loài sinh vật hiện nay đều được cấu tạo từ tế bào.

**A**. 4  **B**. 2 **C.** 3  **D.** 1

**Câu 13.** Theo thuyết tiến hóa hiện đại, nhân tố nào sau đây làm thay đổi tần số alen và thành phần kiểu gen theo một hướng xác định?

**A.** Di – nhập gen. **B.** Chọn lọc tự nhiên. **C.** Các yếu tố ngẫu nhiên. **D.** Đột biến gen.

**Câu 14**. Có mấy kiểu phân bố các cá thể trong quần thể ?

**A.4 B.** **1 C.** 2 **D.** 3

**Câu 15.**  Năm 1928, Kapetrenco đã tiến hành lai cây cải bắp (loài Brassica 2n = 18) với cây cải củ (loài Raphanus 2n = 18) tạo ra cây lai khác loài, hầu hết các cây lai này đều bất thụ, một số cây lai ngẫu nhiên bị đột biến số lượng NST làm tăng gấp đôi bộ NST tạo thành các thể song nhị bội. Trong các đặc điểm sau, có bao nhiêu đặc điểm là **sai** với thể song nhị bội này?

(1)Mang vật chất di truyền của hai loài ban đầu

(2)Trong tế bào sinh dưỡng, các NST tồn tại thành từng nhóm, mỗi nhóm gồm 4 NST tương đồng

(3)Có khả năng sinh sản hữu tính

(4)Có kiểu gen đồng hợp tử về tất cả các cặp gen

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**Câu 16.** Cho các nhân tố sau:

(1) Đột biến (2) Chọn lọc tự nhiên (3) Các yếu tố ngẫu nhiên (4) Giao phối ngẫu nhiên

Cặp nhân tố đóng vai trò cung cấp nguyên liệu cho quá trình tiến hóa là:

**A.** (1), (3) **B.** (2), (4) **C.** (1), (2) **D.** (1), (4)

**Câu 17.** Vai trò của điều kiện địa lí trong quá trình hình thành loài mới là

**A.** nhân tố tạo ra những kiểu hình thích nghi với những điều kiện địa lí khác nhau.

**B.** nhân tố tạo điều kiện cho sự cách li sinh sản và cách li di truyền.

**C.** nhân tố chọn lọc những kiểu gen thích nghi theo những hướng khác nhau

**D.** nhân tố tác động trực tiếp gây ra những biến đổi tương ứng trên cơ thể sinh vật.

**Câu 18.**  Có bao nhiêu ví dụ sau đây thuộc cơ chế cách li sau hợp tử?

(1) Ngựa cái giao phối với lừa đực sinh ra con la không có khả năng sinh sản.

(2) Hạt phấn của loài cây này không thụ phấn cho hoa của loài cây khác.

(3) Chuột nhà và chuột đồng không giao phối với nhau được.

(4) Các loài ruồi giấm khác nhau có tập tính giao phối khác nhau.

**A.**  3. **B.**  1. **C.**  2. **D.**  4.

**Câu 19.** Hình thành loài bằng cách li địa lí thường gặp ở loài nào sau đây?

**A.** Động vật ít di chuyển **B.** Động vật di chuyển nhiều **C.** Thực vật **D.** Vi sinh vật

**Câu 20.** Hình thành loài bằng con đường cách ly địa lý mang đặc điểm nào sau đây?

**A.** Không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên và các cơ chế cách ly.

**B.** Xảy ra chủ yếu ở động vật và thực vật bậc cao.

**C.** Thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.

**D.** Xảy ra với tốc độ nhanh trong thời gian ngắn.

**Câu 21.** Trong lịch sử phát triển sinh giới, các nhóm linh trưởng phát sinh vào kỉ nào sau đây ?

**A.** Đệ tứ **B.** Kỉ jura **C.** Phấn trắng **D.** Đệ tam

**Câu 22.** Trong các phát biểu sau, có bao nhiêu phát biểu ***đúng*** về mối quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể?

(1)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể thích nghi tốt hơn với điều kiện của môi trường.

(2)Quan hệ hỗ trợ trong quần thể đảm bảo cho quần thể khai thác được nhiều nguồn sống.

(3)Quan hệ hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể thể hiện qua hiệu quả nhóm.

(4)Quan hệ hỗ trợ xuất hiện khi mật độ cá thể của quần thể tăng lên quá cao.

**A.**1 **B**. 2  **C.** 3 **D.** 4

**Câu 23.**  Khi các yếu tố của môi trường sống phân bố không đồng đều và các cá thể trong quần thể có tập tính sống thành bầy đàn thì các cá thể trong quần thể này thường có kiểu phân bố

**A.**  theo chiều ngang. **B.**  đồng đều.     **C.**  ngẫu nhiên. **D. theo nhóm.**

**Câu 24.**  Con người đã ứng dụng những hiểu biết về ổ sinh thái vào bao nhiêu hoạt động sau đây?

(1) Trồng xen các loại cây ưa bóng và cây ưa sáng trong cùng một khu vườn.

(2) Trồng các loại cây đúng thời vụ.

(3) Nuôi ghép các loài cá ở các tầng nước khác nhau trong một ao nuôi.

(4) Khai thác vật nuôi ở độ tuổi càng cao để thu được năng suất càng cao.

**A.**  3. **B.**  1. **C.**  4. **D.**  2.

**Câu 25.** Nếu mật độ của một quần thể sinh vật tăng quá mức tối đa thì

**A.** sự xuất cư của các cá thể trong quần thể giảm tới mức tối thiểu.

**B.** sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**C.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.

**D.** sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể giảm xuống.

**Câu 26.**  Cho các phát biểu sau đây về giới hạn sinh thái:

(1) Giới hạn sinh thái là khoảng giá trị xác định của mỗi nhân tố sinh thái mà trong đó sinh vật có thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian.

(2) Ở khoảng thuận lợi, sinh vật thực hiện các chức năng sống tốt nhất.

(3) Các cá thể trong cùng một loài đều có giới hạn sinh thái về mỗi nhân tố sinh thái giống nhau.

(4) Giới hạn sinh thái của một nhân tố sinh thái chính là ổ sinh thái của loài về nhân tố sinh thái đó.

Số phát biểu ***đúng*** là:

**A.** 2 **B.** 4 **C.** 1 **D.** 3

**Câu 27.** Nhân tố sinh thái nào sau đây là nhân tố vô sinh?

**A.**  Ánh sáng. **B.**  Sâu ăn lá lúa. **C.**  Chim sâu. **D.**  Cây lúa.

**Câu 28.** Một "không gian sinh thái" mà ở đó tất cả các nhân tố sinh thái của môi trường nằm trong giới hạn sinh thái cho phép loài đó tồn tại và phát triển gọi là

**A.** sinh cảnh **B.** nơi ở **C.** giới hạn sinh thái **D.** ổ sinh thái

**Câu 29.** Trong thực tế, khi đánh bắt cá toàn cá con thì cần phải

**A.** tiếp tục, vì quần thể ở trạng thái trẻ.  **B.** dừng ngay, nếu không sẽ cạn kiệt.

**C**. hạn chế, vì quần thể sẽ suy thoái.  **D.** tăng cường đánh vì quần thể đang ổn định.

**Câu 30.**  Bồ nông xếp thành hàng bắt được nhiều cá hơn bồ nông đi kiếm ăn riêng rẽ. Đây là ví dụ về mối quan hệ
**A.**  cộng sinh. **B.**  cạnh tranh cùng loài. **C.**  hỗ trợ cùng loài **D.**  ức chế - cảm nhiễm.

 …………………………………Hết……………………………………

*Chú ý: Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.*